

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số 13/2022/KDTM-ST

Ngày 28/06/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Như Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quang Hiến;

Bà Nguyễn Thị Nga.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thiện Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 06/2020/TLST-KDTM ngày 06/01/2020, về việc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa ra xét xử số 49/2022/QĐST-KDTM ngày 02 tháng 06 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

Ngân hàng thương mại cổ phần V (B);

Trụ sở: Số 89, phố Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn là:

Ông Ngô Chí D; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị B.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là:

Ông Phạm A; chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm pháp luật Ngân hàng, SME và cá nhân, B Hội sở.

Theo văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020 của

Chủ tịch Hội đồng quản trị B.

Người đại diện theo ủy quyền lại là:

1. Bà Trần Thị T; chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ;

2. Bà Phạm Thị H; chức vụ: Cán bộ xử lý nợ;

Cùng địa chỉ: Tầng 7, số 78, Tòa nhà H, D, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Theo văn bản ủy quyền số 2821/2020/UQ-HĐQT ngày 14/10/2020 của B.

Bị đơn:

Công ty TNHH May xuất khẩu H;

Trụ sở: Thôn V, xã F, huyện K, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn là:

Ông Lê Văn H; chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông ty TNHH May xuất khẩu H là:

Bà Bùi Thị H L, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Thôn V, xã F, huyện K, thành phố Hà Nội.

Theo văn bản ủy quyền ngày 30/09/2020.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Văn H, sinh năm 1985;

ĐKKHKT: Thôn V, xã F, huyện K, thành phố Hà Nội.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam M đóng tại xã M, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn H là:

Bà Bùi Thị H L, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Thôn V, xã F, huyện K, thành phố Hà Nội.

Theo văn bản ủy quyền ngày 30/09/2020.

2. Ông Phan Văn H, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Thôn Đồng Tỉnh, xã T, huyện D, tỉnh Hưng Yên.

Bà Phạm Thị H, bà Bùi Thị H L và ông Phan Văn H có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/09/2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần V (B) do bà Phạm Thị H trình bày:

Về quá trình giao kết, thực hiện các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ:

Ngày 25/07/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần V (B) cùng với Công ty TNHH May xuất khẩu H đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME, theo đó B sẽ cho Công ty H vay số tiền là 649.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 26/07/2016 đến ngày 26/07/2021, để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô NISSAN NP300.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân và Công ty TNHH May xuất khẩu H đã nhận được số tiền 519.200.000 đồng theo Khế ước nhận nợ lần 1 số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 và thỏa thuận về lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 11,25%/ năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/10/2016. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 2,8%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của bên ngân hàng xác định từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiếp theo, Ngân hàng đã giải ngân và Công ty TNHH May xuất khẩu H đã nhận được số tiền 129.800.000 đồng theo Khế ước nhận nợ lần 2 số 250716-2948683-01-SME ngày 26/07/2016 và thỏa thuận về lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 18,55%/ năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/10/2016. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 10,1%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của bên ngân hàng xác định từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngày 30/08/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần V cùng với Công ty TNHH May xuất khẩu H đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME, theo đó B sẽ cho Công ty H vay số tiền là 649.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 30/08/2016 đến ngày 30/08/2021, để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô NISSAN NP300.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân và Công ty TNHH May xuất khẩu H đã nhận được số tiền 519.200.000 đồng theo Khế ước nhận nợ lần 1 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 và thỏa thuận về lãi suất cho vay ưu đãi 7,5%/năm được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay (ngày 30/8/2016). Sau 12 tháng mức lãi suất và kỳ hạn điều chỉnh theo quy định trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tiếp theo, Ngân hàng đã giải ngân và Công ty

TNHH May xuất khẩu H đã nhận được số tiền 129.800.000 đồng theo Khế ước nhận nợ lần 2 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 và thỏa thuận về lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân đầu tiên là 17,65%/ năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/1 lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 30/11/2016. Mức điều chỉnh lãi suất bằng: Lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 9,1%/năm. Lãi suất bán vốn là mức lãi suất do Hội sở chính của bên ngân hàng xác định từng thời kỳ. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Theo quan điểm của chúng tôi: Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016, Khế ước nhận nợ lần 1 số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016, Khế ước nhận nợ lần 2 số 250716-2948683-01-SME ngày 26/07/2016, Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016, Khế ước nhận nợ lần 1 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016, Khế ước nhận nợ lần 2 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty TNHH May xuất khẩu H là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

Tính đến ngày 28/06/2022 Công ty TNHH May xuất khẩu H đã trả B số tiền là 631,553,592 đồng, trong đó: Nợ gốc là 428,801,000 đồng; nợ lãi và phạt chậm trả là 202,752,592 đồng.

Đến ngày 25/02/2018, Công ty TNHH May xuất khẩu H không tiếp tục thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho B. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với B theo quy định tại các hợp đồng đã ký kết, nên B chuyển toàn bộ khoản vay còn lại của Công ty TNHH May xuất khẩu H sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn như trong thỏa thuận từ ngày 26/02/2018. Tạm tính đến ngày 28/06/2022, Công ty TNHH May xuất khẩu H còn nợ B tổng số tiền của cả 02 Hợp đồng tín dụng là 1,549,302,033 đồng, trong đó: Nợ gốc là 869,199,000 đồng; nợ lãi trong hạn là 31,013,511 đồng và nợ lãi quá hạn là 686,191,584.

Về các biện pháp bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng:

Để đảm bảo cho các khoản vay, Công ty TNHH May xuất khẩu H đã thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300, BKS 29C-916.46, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH May xuất khẩu H, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 217972 ngày 22/07/2016 của Phòng CSGT, Công an thành phố Hà Nội cho B theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 250716-2948683-01-SME/TC ngày 25/07/2016, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/07/2016 tại Trung tâm

Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng và thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300 NAVARA EL, BKS 29C-919.91, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH May xuất khẩu H, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 216369 ngày 27/08/2016 của Phòng CSGT, Công an thành phố Hà Nội cho B theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 290816-2948683-01-SME/TC ngày 30/08/2016, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/08/2016 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH May xuất khẩu H phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng được giao kết từ ngày 25/07/2016 đến ngày 25/07/2019.

Để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ (bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, các khoản phí, bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp ...) của Công ty TNHH may xuất khẩu H đối với B phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác; giữa B và ông Lê Văn H đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-01-SME/HĐBL ngày 25/07/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 290816-2948683-01-SME/HĐBL ngày 30/08/2016; giữa B và ông Phan Văn H đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-02-SME/HĐBL ngày 25/7/2016 với nội dung: Bên bảo lãnh (ông Lê Văn H, ông Phan Văn H) đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty TNHH may xuất khẩu H trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ nêu trên.

Theo quan điểm của chúng tôi: Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 250716-2948683-01-SME/TC ngày 25/07/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 290816-2948683-01-SME/TC ngày 30/08/2016 được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty TNHH May xuất khẩu H là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-01-SME/HĐBL ngày 25/7/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 290816-2948683-01-SME/HĐBL ngày 30/08/2016 được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Lê Văn H; Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-02-SME/HĐBL ngày 25/7/2016 được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Phan Văn H là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

Về các nội dung khác:

Theo chúng tôi được biết Công ty TNHH May xuất khẩu H là Công ty TNHH một thành viên do ông Lê Văn H là chủ sở hữu đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Theo chúng tôi được biết thì hiện nay Công ty TNHH May xuất khẩu H không còn hoạt động còn Công ty đã bị giải thể hay chưa thì chúng tôi không biết.

Đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300, BKS 29C-916.46 và chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300 NAVARAEL, BKS 29C-919.91: Hiện nay chúng tôi không biết 02 chiếc xe ô tô nói trên ở đâu? Và ai là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Chúng tôi cũng không được thông báo về bất cứ giao dịch nào liên quan đến 02 chiếc xe ô tô nói trên.

Do phía bị đơn cũng không biết được 02 chiếc xe ô tô nói trên ở đâu và ai là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng nên chúng tôi không yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với 02 chiếc xe nói trên.

Về Hợp đồng bảo lãnh:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Hợp đồng bảo lãnh số 2507162948683-01-SME/HĐBL ngày 25/07/2016; Hợp đồng bảo lãnh số 290816-2948683-01-SME/HĐBL ngày 30/08/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-02SME/HĐBL ngày 25/07/2016 thì Bên bảo lãnh (ông Lê Văn H, ông Phan Văn H) đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH may xuất khẩu H đối với B phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác. Do vậy, ông Phan Văn H cũng bảo lãnh cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH may xuất khẩu H đối với B phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/8/2016.

Trong trường hợp áp dụng các biện pháp bảo đảm để thu hồi nợ, Ngân hàng sẽ tiến hành xác minh, xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300, BKS 29C-916.46 và chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300 NAVARAEL, BKS 29C-919.91 thuộc sở hữu của Công ty TNHH may xuất khẩu H trước, sau đó sẽ yêu cầu ông Lê Văn H, ông Phan Văn H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

Nay B khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty TNHH May xuất khẩu H phải trả cho B toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/7/2016, Khế

ước nhận nợ lần 1 số: 250716-2948683-01-SME ngày 26/7/2016, Khế ước nhận nợ lần 2 số: 2507162948683-01-SME ngày 26/7/2016, Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/8/2016, Khế ước nhận nợ lần 1 số: 300816-2948683-01-SME ngày 30/8/2016, Khế ước nhận nợ lần 2 số: 300816-2948683-01-SME ngày 30/8/2016 tạm tính đến hết ngày 28/06/2022 là 1,549,302,033 đồng, trong đó: Nợ gốc là 869,199,000 đồng; nợ lãi trong hạn là 31,013,511 đồng và nợ lãi quá hạn là 686,191,584;

- Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi Công ty TNHH May xuất khẩu H thực tế thanh toán hết toàn bộ khoản nợ gốc cho B.

- Đề nghị Tòa án tuyên trong bản án về việc B có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, là:

+ 01 chiếc xe ô tô tải pickup cabin kép nhãn hiệu NiSSAN NP300; BKS: 29C-916.46; số khung: MNTCC2D23Z0013866; số máy YD25673939T thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH may xuất khẩu H.

+ 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu NiSSAN NP300; NAVARA EL; BKS: 29C-919.91; số khung: MNTCC2D23Z0015050, số máy YD25681971T thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH may xuất khẩu H.

- Đề nghị Toà án tuyên trong bản án về việc B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án buộc Bên bảo lãnh gồm: Ông Lê Văn H, ông Phan Văn H có nghĩa vụ trả thay toàn bộ khoản nợ của Công ty H tại B theo Hợp đồng bảo lãnh số 2507162948683-01-SME/HĐBL ngày 25/07/2016; Hợp đồng bảo lãnh số 290816-2948683-01-SME/HĐBL ngày 30/08/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-02 SME/HĐBL ngày 25/07/2016. Trường hợp ông Lê văn H, ông Phan Văn H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho B thì B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, thu giữ và xử lý các tài sản thuộc sở hữu của ông Lê Văn H, ông Phan Văn H để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho B.

Ngoài ra, B không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề gì khác.

** Bị đơn là Công ty TNHH may xuất khẩu H do ông Lê Văn H là người đại diện theo pháp luật và bà Bùi Thị H L là người đại diện theo ủy quyền của ông H trình bày:*

Nhất trí với lời trình bày của B về nội dung, quá trình giao kết, thực hiện các hợp đồng tín dụng giữa Công ty TNHH May xuất khẩu H và B.

Theo quan điểm của chúng tôi: Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016, Khế ước nhận nợ lần 1 số 250716-2948683-01-

SME ngày 25/07/2016, Khế ước nhận nợ lần 2 số 250716-2948683-01-SME ngày 26/07/2016, Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016, Khế ước nhận nợ lần 1 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016, Khế ước nhận nợ lần 2 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty TNHH May xuất khẩu H là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

Tạm tính đến ngày 24/05/2022 Công ty TNHH May xuất khẩu H đã trả B số tiền là 631,553,592 đồng, trong đó: Nợ gốc là 428,801,000 đồng; nợ lãi và phạt chậm trả là 202,752,592 đồng.

Tính đến ngày 25/02/2018, Công ty TNHH May xuất khẩu H không tiếp tục thanh toán nợ gốc, nợ lãi cho B. Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với B theo quy định tại các hợp đồng đã ký kết, nên B chuyển toàn bộ khoản vay còn lại của Công ty TNHH May xuất khẩu H sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn như trong thỏa thuận từ ngày 26/02/2018. Tạm tính đến ngày 28/06/2022, Công ty TNHH May xuất khẩu H còn nợ B tổng số tiền của cả 02 Hợp đồng tín dụng là 1,549,302,033 đồng, trong đó: Nợ gốc là 869,199,000 đồng; nợ lãi trong hạn là 31,013,511 đồng và nợ lãi quá hạn là 686,191,584 phù hợp với Bảng kê dư nợ tính đến ngày 28/06/2022 của Ngân hàng thương mại cổ phần V cung cấp cho Tòa án.

Chúng tôi xác nhận cách tính lãi trong hạn và lãi quá hạn được quy định trong Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016, Khế ước nhận nợ lần 1 số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016, Khế ước nhận nợ lần 2 số 250716-2948683-01-SME ngày 26/07/2016, Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016, Khế ước nhận nợ lần 1 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016, Khế ước nhận nợ lần 2 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 kèm theo so với các Quyết định điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần V là đúng theo thỏa thuận mà các bên đã ký kết trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng bắt buộc đối với các bên tham gia giao kết.

Nay Ngân hàng thương mại cổ phần V khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH May xuất khẩu H thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên, chúng tôi đồng ý thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V nhưng đề

ngợi Ngân hàng xem xét miễn giảm tiền nợ lãi và tạo điều kiện cho gia đình chúng tôi thanh toán trong một thời gian phù hợp.

Về các biện pháp bảo đảm cho các hợp đồng tín dụng:

Để đảm bảo cho các khoản vay, Công ty TNHH May xuất khẩu H đã thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300, BKS 29C-916.46, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH May xuất khẩu H, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 217972 ngày 22/07/2016 của Phòng CSGT, Công an thành phố Hà Nội cho B theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 250716-2948683-01-SME/TC ngày 25/07/2016, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/07/2016 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng và thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300 NAVARA EL, BKS 29C-919.91, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH May xuất khẩu H, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 216369 ngày 27/08/2016 của Phòng CSGT, Công an thành phố Hà Nội cho B theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 290816-2948683-01-SME/TC ngày 30/08/2016, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/08/2016 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH May xuất khẩu H phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng được giao kết từ ngày 25/07/2016 đến ngày 25/07/2019.

Để đảm bảo cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ (bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, các khoản phí, bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp ...) của Công ty TNHH May xuất khẩu H đối với B phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016; Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác; giữa B và ông Lê Văn H đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-01-SME/HĐBL ngày 25/07/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 290816-2948683-01-SME/HĐBL ngày 30/08/2016; giữa B và ông Phan Văn H đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-02-SME/HĐBL ngày 25/07/2016 với nội dung: Bên bảo lãnh (ông Lê Văn H, ông Phan Văn H) đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty TNHH May xuất khẩu H trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ nêu trên.

Theo quan điểm của chúng tôi:

Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 250716-2948683-01-SME/TC ngày 25/07/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 290816-2948683-01-SME/TC ngày 30/08/2016 được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty TNHH May xuất khẩu H là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể

tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-01-SME/HĐBL ngày 25/07/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 290816-2948683-01-SME/HĐBL ngày 30/08/2016 được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V với ông Lê Văn H; Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-02-SME/HĐBL ngày 25/07/2016 được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Phan Văn H là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

Về các nội dung khác:

Công ty TNHH May xuất khẩu H là Công ty TNHH một thành viên do ông Lê Văn H là chủ sở hữu đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Hiện nay Công ty TNHH May xuất khẩu H đã đóng cửa, không còn hoạt động nhưng Công ty chưa tiến hành giải thể theo quy định của pháp luật.

Đối với tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300, BKS 29C-916.46 và chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300 NAVARAEL, BKS 29C-919.91: Hiện nay chúng tôi không biết 02 chiếc xe ô tô nói trên ở đâu? Và ai là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Công ty TNHH May xuất khẩu H không có bất cứ giao dịch nào liên quan đến 02 chiếc xe ô tô nói trên.

Do phía nguyên đơn cũng không biết được 02 chiếc xe ô tô nói trên ở đâu và ai là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng nên chúng tôi không yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với 02 chiếc xe nói trên.

Về Hợp đồng bảo lãnh:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Hợp đồng bảo lãnh số 2507162948683-01-SME/HĐBL ngày 25/07/2016; Hợp đồng bảo lãnh số 290816-2948683-01-SME/HĐBL ngày 30/08/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-02SME/HĐBL ngày 25/07/2016 thì Bên bảo lãnh (ông Lê Văn H, ông Phan Văn H) đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH May xuất khẩu H đối với B phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác. Do vậy, ông Lê Văn H, ông Phan Văn H cũng bảo lãnh cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH May xuất khẩu H

đối với B phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016.

Trong trường hợp phải áp dụng các biện pháp bảo đảm để thu hồi nợ, chúng tôi đề nghị Ngân hàng tiến hành xác minh, xử lý tài sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300, BKS 29C-916.46 và chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300 NAVARAEL, BKS 29C-919.91 thuộc sở hữu của Công ty TNHH may xuất khẩu H trước, sau đó sẽ yêu cầu ông Lê Văn H, ông Phan Văn H thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

Ngoài ra, chúng tôi không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Văn H và bà Bùi Thị H L là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về nội dung, quá trình giao kết, thực hiện các hợp đồng tín dụng giữa Công ty TNHH May xuất khẩu H và B.

- Về các biện pháp bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là:

Ngoài biện pháp thế chấp tài sản đã nêu ở trên của Công ty TNHH May xuất khẩu H. Cá nhân ông Lê Văn H và Ngân hàng thương mại cổ phần V đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-01-SME/HĐBL ngày 25/7/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 290816-2948683-01-SME/HĐBL ngày 30/08/2016, với nội dung: Bên bảo lãnh ông Lê Văn H đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty TNHH May xuất khẩu H trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ (bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, các khoản phí, bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp ...) của Công ty TNHH May xuất khẩu H đối với B phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016; Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác.

Trường hợp, Công ty TNHH May xuất khẩu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho B theo Hợp đồng tín dụng 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 và Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 thì B có quyền yêu cầu ông Lê Văn H phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo hợp đồng bảo lãnh nói trên.

Ngoài ra, ông H không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn H trình bày:*

Nhất trí với lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về nội dung, quá trình giao kết, thực hiện các hợp đồng tín dụng giữa Công ty TNHH may xuất khẩu H và B.

Về các biện pháp bảo đảm cho các khoản vay nêu trên là:

Ngoài biện pháp thế chấp tài sản đã nêu ở trên của Công ty TNHH May xuất khẩu H. Tôi và Ngân hàng thương mại cổ phần V đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-02-SME/HĐBL ngày 25/07/2016, với nội dung: Bên bảo lãnh ông Phan Văn H đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty TNHH May xuất khẩu H trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ (bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, các khoản phí, bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp ...) của Công ty TNHH May xuất khẩu H đối với B phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác.

Trường hợp, Công ty TNHH May xuất khẩu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho B theo Hợp đồng tín dụng 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 và Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 thì B chỉ có quyền yêu cầu ông phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Hợp đồng tín dụng 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016, không có quyền yêu cầu ông phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016. Bởi vì theo Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-02SME/HĐBL ngày 25/07/2016, thì ông chỉ có nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 mà thôi.

Về các nội dung khác:

Về quan hệ gia đình thì ông là anh rể của ông Lê Văn H là Giám đốc của Công ty TNHH May xuất khẩu H.

Sau đó, giữa Công ty TNHH May xuất khẩu H và Ngân hàng thương mại cổ phần V có ký thêm các hợp đồng tín dụng nào nữa hay không ông không biết.

Cho đến nay, Công ty TNHH May xuất khẩu H đã trả được Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ gốc và nợ lãi theo các Hợp đồng tín dụng số và các Khế ước nhận nợ kèm theo là bao nhiêu ông không biết. Số tiền nợ gốc và nợ lãi Công ty TNHH May xuất khẩu H còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V là bao nhiêu ông không biết.

Đối với chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300, BKS 29C-916.46, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH May xuất khẩu H và chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300 NAVARA EL, BKS 29C-919.91, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH May xuất khẩu H đã thế chấp cho Ngân hàng thương mại cổ phần V hiện ở đâu, do ai quản lý ông không biết.

Ngoài ra, ông không yêu cầu Toà án giải quyết vấn đề nào khác.

Tại phiên tòa hôm nay,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi bị đơn phải trả số tiền phạt chậm trả lãi; giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện còn lại.

Bà Bùi Thị H L trình bày: Nhất trí với yêu cầu đòi nợ gốc, nợ lãi, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của ông H do phía nguyên đơn đưa ra nhưng đề nghị nguyên đơn xem xét miễn giảm tiền nợ lãi và tạo điều kiện cho gia đình bị đơn thanh toán trong một khoảng thời gian phù hợp.

Ông Phan Văn H trình bày: Về việc giao kết, thực hiện các hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn thế nào ông không biết. Trường hợp phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thì ông chỉ đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Hợp đồng tín dụng 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 mà không đồng ý thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016. Bởi vì theo Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-02SME/HĐBL ngày 25/07/2016, thì ông chỉ bảo lãnh cho nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 mà thôi chứ không bảo lãnh cho nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng tín dụng khác và ông cũng không biết giữa Ngân hàng và Công ty TNHH May xuất khẩu H còn giao kết thêm hợp đồng tín dụng nào khác hay không.

Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ, đưa ra yêu cầu mới và giữ nguyên lời khai ở trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi mở phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa. Các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về hợp đồng tín dụng: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu đòi tiền phạt chậm trả lãi của B; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc Công ty TNHH May xuất khẩu H trả nợ gốc và nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016, Khế ước nhận nợ lần 1 số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016, Khế ước nhận nợ lần 2 số 250716-2948683-01-SME ngày 26/07/2016, Hợp đồng tín dụng số 290816-

2948683-01-SME ngày 30/08/2016, Khế ước nhận nợ lần 1 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016, Khế ước nhận nợ lần 2 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 số tiền nợ tính đến hết ngày 28/06/2022 là 1,549,302,033 đồng, trong đó: Nợ gốc là 869,199,000 đồng; nợ lãi trong hạn là 31,013,511 đồng và nợ lãi quá hạn là 686,191,584 và tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên đến ngày Công ty TNHH May xuất khẩu H hoặc ông Lê Văn H, ông Phan Văn H thực tế thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng.

Về hợp đồng thế chấp: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 250716-2948683-01-SME/TC ngày 25/07/2016 và Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 290816-2948683-01-SME/TC ngày 30/08/2016 được giao kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty TNHH May xuất khẩu H có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH May xuất khẩu H không thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số nợ cho Ngân hàng thì có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ, là: 01 chiếc xe ô tô tải pickup cabin kép nhãn hiệu NISSAN NP300, BKS: 29C-916.46, số khung: MNTCC2D23Z0013866, số máy YD25673939T thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH May xuất khẩu H và 01 chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu NISSAN NP300 NAVARA EL, BKS: 29C-919.91, số khung: MNTCC2D23Z0015050, số máy YD25681971T thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty TNHH May xuất khẩu H để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

Về hợp đồng bảo lãnh: Đề nghị Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng bảo lãnh số 2507162948683-01-SME/HĐBL ngày 25/07/2016, Hợp đồng bảo lãnh số 290816-2948683-01-SME/HĐBL ngày 30/08/2016 được giao kết giữa ông Lê Văn H với B và Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-02-SME/HĐBL ngày 25/07/2016 được giao kết giữa ông Phan Văn H với B có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty TNHH May xuất khẩu H không thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số nợ cho Ngân hàng thì ông Lê Văn H, ông Phan Văn H phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH May xuất khẩu H. Trường hợp ông H, ông H không thanh toán, hoặc thanh toán không đủ số tiền trên thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH May xuất khẩu H và sau đó là ông Lê Văn H, ông Phan Văn H để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa và người tham gia tố tụng về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

[1.1] *Về yêu cầu khởi kiện và quan hệ pháp luật:*

B khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Công ty TNHH May xuất khẩu H có trụ sở tại Thôn V, xã F, huyện K, thành phố Hà Nội. Tại thời điểm giao kết các Hợp đồng tín dụng, nguyên đơn, bị đơn đều có đăng ký kinh doanh, mục đích vay vốn là để thanh toán tiền mua xe ô tô cho Công ty, nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc quan hệ kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, thành phố Hà Nội.

[1.2] *Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/09/2019 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH May xuất khẩu H phải trả tiền phạt chậm trả lãi của các Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã giao kết.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của B xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc đòi tiền phạt chậm trả lãi đối với Công ty TNHH May xuất khẩu H. Xét thấy việc nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện nên căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận việc rút đơn và đình chỉ đối với một phần yêu cầu khởi kiện đã rút của nguyên đơn.

[2] *Về nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[2.1] *Về nội dung và hiệu lực của các Hợp đồng tín dụng:*

Ngày 25/07/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần V cùng với Công ty TNHH May xuất khẩu H đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME, theo đó B sẽ cho Công ty H vay số tiền là 649.000.000 đồng, thời hạn vay

60 tháng kể từ ngày 26/07/2016 đến ngày 26/07/2021, để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô NISSAN NP300; lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất sẽ được Bên Ngân hàng và Bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng; Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH May xuất khẩu H số tiền 649.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ lần 1 số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 và Khế ước nhận nợ lần 2 số 250716-2948683-01-SME ngày 26/07/2016.

Ngày 30/08/2016, Ngân hàng thương mại cổ phần V cùng với Công ty TNHH May xuất khẩu H đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME, theo đó B sẽ cho Công ty H vay số tiền là 649.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày 30/08/2016 đến ngày 30/08/2021, để thanh toán một phần tiền mua xe ô tô NISSAN NP300; lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất: Lãi suất cho vay và cơ chế điều chỉnh lãi suất sẽ được Bên Ngân hàng và Bên vay thỏa thuận theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của Bên vay và được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản liên quan ký kết giữa Bên vay và Bên Ngân hàng; Lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn (lãi suất quá hạn): Bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Thực hiện hợp đồng nêu trên, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty TNHH May xuất khẩu H số tiền 649.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ lần 1 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 và Khế ước nhận nợ lần 2 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016.

Xét các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định tại các Điều 122, 401,

402, 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 7 và điểm đ khoản 1 Điều 25 Quyết định 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước, nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

[2.2] Về yêu cầu đòi nợ gốc, nợ lãi của nguyên đơn:

Về yêu cầu đòi nợ gốc:

Thực Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016, B đã giải ngân và Công ty TNHH May xuất khẩu H đã nhận được số tiền cho vay 649.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ lần 1 số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 và Khế ước nhận nợ lần 2 số 250716-2948683-01-SME ngày 26/07/2016.

Thực Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016, B đã giải ngân và Công ty TNHH May xuất khẩu H đã nhận được số tiền cho vay 649.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ lần 1 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 và Khế ước nhận nợ lần 2 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016.

Do vậy, căn cứ vào các chứng cứ do Ngân hàng giao nộp, sự thừa nhận của phía bị đơn và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Công ty TNHH May xuất khẩu H phải trả số nợ gốc của 02 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 28/06/2022 là 869,199,000 đồng.

Về yêu cầu đòi nợ lãi và cách tính lãi suất của nguyên đơn:

Nay Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH May xuất khẩu H trả số tiền lãi tính đến ngày 28/06/2022 của cả 02 hợp đồng tín dụng là: 680,103,033 đồng. Tòa án đã kiểm tra, xác định Ngân hàng tính số tiền lãi trong hạn, quá hạn theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ, quyết định ban hành biểu lãi suất huy động vốn áp dụng đối với khách hàng cá nhân. Phía bị đơn cũng xác nhận cách tính lãi của Ngân hàng là phù hợp quy định của pháp luật, hợp đồng tín dụng và không có ý kiến phản đối. Do vậy, căn cứ vào Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, buộc Công ty TNHH May xuất khẩu H phải trả số tiền lãi tính đến ngày 28/06/2022 của 02 hợp đồng tín dụng là 680,103,033 đồng.

Theo các hợp đồng tín dụng và các quy định tại khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 11; khoản 2 Điều 13 và Điều 25 Quyết định số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân

hàng Nhà nước; khoản 1 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử buộc: Công ty TNHH May xuất khẩu H phải trả nợ gốc, nợ lãi theo Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016, Khế ước nhận nợ lần 1 số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016, Khế ước nhận nợ lần 2 số 250716-2948683-01-SME ngày 26/07/2016; Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016, Khế ước nhận nợ lần 1 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016, Khế ước nhận nợ lần 2 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 cho B tạm tính đến hết ngày 28/06/2022 là 1,549,302,033 đồng, trong đó: Nợ gốc là 869,199,000 đồng, nợ lãi trong hạn là 32,138,947 đồng và nợ lãi quá hạn là 647,964,086 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 28/06/2022, Công ty TNHH May xuất khẩu H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

[2.3] Về hợp đồng thế chấp và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn:

Để đảm bảo cho các khoản vay, Công ty TNHH May xuất khẩu H đã thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300, BKS 29C-916.46, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH May xuất khẩu H, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 217972 ngày 22/07/2016 của Phòng CSGT, Công an thành phố Hà Nội cho B theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 250716-2948683-01-SME/TC ngày 25/07/2016, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 25/07/2016 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng, thông báo việc thế chấp cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội và thế chấp chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300 NAVARA EL, BKS 29C-919.91, thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH May xuất khẩu H, Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 216369 ngày 27/08/2016 của Phòng CSGT, Công an thành phố Hà Nội cho B theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 290816-2948683-01-SME/TC ngày 30/08/2016, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 30/08/2016 tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng, thông báo việc thế chấp cho Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH May xuất khẩu H phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng được giao kết từ ngày 25/07/2016 đến ngày 25/07/2019.

Xét các hợp đồng thế chấp được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp, đã đăng ký giao

dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, phù hợp với các quy định tại các Điều 342, Điều 343 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP, Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự trình bày hiện nay không biết 02 chiếc xe ô tô này ở đâu, không đề nghị Toà án tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản nên Tòa án không tiến hành việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp.

Tại Phiếu trả lời xác minh phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Phòng Cảnh sát giao thông - Công an thành phố Hà Nội, thể hiện: Chiếc xe ô tô tải pickup cabin kép nhãn hiệu NISSAN NP300; BKS: 29C-916.46; số khung: MNTCC2D23Z0013866; số máy YD25673939T và chiếc xe ô tô tải pickup cabin kép nhãn hiệu NISSAN NP300; NAVARA EL; BKS: 29C-919.91; số khung: MNTCC2D23Z0015050, số máy YD25681971T đều thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH may xuất khẩu H; địa chỉ: V, F, K, Hà Nội.

Tại Công văn số 2852/ĐKVN-VAR ngày 28/08/2020 và Công văn số 1347/ĐKVN-VAR ngày 04/05/2022 của Cục Đăng kiểm Việt Nam thể hiện: Chiếc xe ô tô mang biển kiểm soát: 29C-916.46 được kiểm định lần đầu vào ngày 22/07/2016, hạn kiểm định hết ngày 21/07/2018; chiếc xe ô tô biển kiểm soát: 29C-919.9146 được kiểm định lần đầu vào ngày 27/08/2016, hạn kiểm định hết ngày 26/08/2018. Cả hai chiếc xe ô tô biển số nêu trên kiểm định chỉ một lần duy nhất tại Trung tâm đăng kiểm 2903V Hà Nội.

Như vậy, cả hai chiếc xe ô tô nói trên vẫn thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty TNHH May xuất khẩu H, không có sự chuyển dịch quyền sở hữu cho người khác. Hai chiếc xe này là tài sản thế chấp được bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty TNHH May xuất khẩu H phát sinh từ tất cả các hợp đồng tín dụng được giao kết giữa Công ty TNHH May xuất khẩu H và B từ ngày 25/07/2016 đến ngày 25/07/2019 nên khi Công ty TNHH May xuất khẩu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng thì B có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm là hai chiếc xe nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về hợp đồng bảo lãnh và yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của nguyên đơn:

Ngoài biện pháp thế chấp tài sản đã nêu ở trên của Công ty TNHH May xuất khẩu H. Ông Lê Văn H và Ngân hàng thương mại cổ phần V đã ký Hợp đồng bảo lãnh số Hợp đồng bảo lãnh số 2507162948683-01-SME/HĐBL ngày 25/07/2016 và Hợp đồng bảo lãnh số 290816-2948683-01-SME/HĐBL ngày 30/08/2016, với nội dung: Bên bảo lãnh ông Lê Văn H đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty TNHH May xuất khẩu H trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ (bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, các khoản phí, bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp ...) của Công ty TNHH May xuất khẩu H đối với B phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016; Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác. Ông Phan Văn H và Ngân hàng thương mại cổ phần V đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-02SME/HĐBL ngày 25/07/2016, với nội dung: Bên bảo lãnh ông Phan Văn H đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty TNHH May xuất khẩu H trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ (bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi, các khoản phí, bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp ...) của Công ty TNHH May xuất khẩu H đối với B phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác.

Ông H và người đại diện theo ủy quyền nhất trí về nội dung hợp đồng và nghĩa vụ được bảo lãnh theo hợp đồng.

Theo ông H thì trường hợp, Công ty TNHH May xuất khẩu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho B theo Hợp đồng tín dụng 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 và Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 thì B chỉ có quyền yêu cầu ông phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Hợp đồng tín dụng 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 mà không có quyền yêu cầu ông phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016. Bởi vì theo Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-02SME/HĐBL ngày 25/07/2016, thì ông chỉ có nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 mà thôi.

Theo quy định tại Điều 361. Bảo lãnh, của Bộ luật Dân sự 2005:

“Bảo lãnh là việc người thứ ba (sau đây gọi là bên bảo lãnh) cam kết với bên có quyền (sau đây gọi là bên nhận bảo lãnh) sẽ thực hiện nghĩa vụ thay cho bên có nghĩa vụ (sau đây gọi là bên được bảo lãnh), nếu khi đến thời hạn mà bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Các

bên cũng có thể thỏa thuận về việc bên bảo lãnh chỉ phải thực hiện nghĩa vụ khi bên được bảo lãnh không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình.”.

Và Điều 363. Phạm vi bảo lãnh, của Bộ luật Dân sự 2005:

“Bên bảo lãnh có thể cam kết bảo lãnh một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ cho bên được bảo lãnh.

Nghĩa vụ bảo lãnh bao gồm cả tiền lãi trên nợ gốc, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.”.

Tại Điều 1 của Hợp đồng bảo lãnh Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-02SME/HĐBL ngày 25/07/2016 được giao kết giữa ông H và B, có nội dung: Bên bảo lãnh đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ ...và tất cả các nghĩa vụ khác của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Bên được bảo lãnh và Bên Ngân hàng....

Như vậy, nghĩa vụ được bảo lãnh theo hợp đồng này không chỉ là nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 mà bao gồm cả nghĩa vụ phát sinh từ các hợp đồng, văn bản tín dụng khác được giao kết giữa Công ty TNHH May xuất khẩu H và B; trong trường hợp này là Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016. Đồng thời cũng theo ông H trình bày thì ông là anh rể của ông H (là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH May xuất khẩu H) và vào thời điểm Công ty TNHH May xuất khẩu H và B giao kết Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016, ông cũng đang cộng tác, làm việc tại Công ty TNHH May xuất khẩu H nên ông H có thể biết được việc Công ty TNHH May xuất khẩu H và B giao kết Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016.

Do Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-01-SME/HĐBL ngày 25/07/2016, Hợp đồng bảo lãnh số 290816-2948683-01-SME/HĐBL ngày 30/08/2016 được giao kết giữa ông Lê Văn H với Ngân hàng thương mại cổ phần V và Hợp đồng bảo lãnh số 250716-2948683-02SME/HĐBL ngày 25/07/2016 được giao kết giữa ông Phan Văn H với Ngân hàng thương mại cổ phần V là hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo yêu cầu về chủ thể tham gia giao kết, có nội dung và hình thức phù hợp quy định pháp luật, không bị vô hiệu theo quy định từ các Điều 123 đến Điều 133 của Bộ luật Dân sự 2005 nên có hiệu lực pháp luật, có giá trị áp dụng đối với các bên tham gia giao kết.

Theo Điều 2 về nghĩa vụ của bên bảo lãnh của Hợp đồng bảo lãnh, Công ty TNHH May xuất khẩu H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng. Do vậy, yêu cầu của Ngân hàng về trường hợp Công ty TNHH May xuất khẩu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông Lê Văn H, ông Phan Văn H phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH May xuất khẩu H. Trường hợp ông H, ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH May xuất khẩu H và sau đó là ông Lê Văn H, ông Phan Văn H để thu hồi toàn bộ khoản nợ vay là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 342 Bộ luật Dân sự.

Đề nghị của ông H về việc chỉ bảo lãnh đối với nghĩa vụ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016 không phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[3] Lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng các Điều 122, 342, 343, 361, 363, 401, 402, 471 và Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Áp dụng Điều 3; khoản 1 Điều 4; khoản 2 Điều 91; Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Áp dụng Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163;

- Áp dụng Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 27/03/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm;

- Áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTM ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về H dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V đối với Công ty TNHH May xuất khẩu H.

2. Buộc Công ty TNHH May xuất khẩu H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ tính đến ngày 28/06/2022 theo Hợp đồng tín dụng số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016, Khế ước nhận nợ lần 1 số 250716-2948683-01-SME ngày 25/07/2016, Khế ước nhận nợ lần 2 số 250716-2948683-01-SME ngày 26/07/2016; Hợp đồng tín dụng số 290816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016, Khế ước nhận nợ lần 1 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016, Khế ước nhận nợ lần 2 số 300816-2948683-01-SME ngày 30/08/2016 là 1,549,302,033 đồng, trong đó: Nợ gốc là 869,199,000 đồng, nợ lãi trong hạn là 32,138,947 đồng và nợ lãi quá hạn là 647,964,086 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn mà các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ kèm theo. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của lãi suất Ngân hàng cho vay.

3. Trường hợp Công ty TNHH May xuất khẩu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo mục 2 của quyết định bản án cho Ngân hàng thương mại cổ phần V thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, xử lý tài

sản thế chấp là chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300, BKS 29C-916.46, số khung: MNTCC2D23Z0013866, số máy YD25673939T và chiếc xe ô tô nhãn hiệu NISSAN NP300 NAVARAEL, BKS 29C-919.91, số khung: MNTCC2D23Z0015050, số máy YD25681971T thuộc sở hữu của Công ty TNHH May xuất khẩu H để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

4. Trường hợp Công ty TNHH May xuất khẩu H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo mục 2 của quyết định bản án cho Ngân hàng thương mại cổ phần V thì ông Lê Văn H, ông Phan Văn H phải có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH May xuất khẩu H. Trường hợp ông H, ông H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty TNHH May xuất khẩu H và sau đó là ông Lê Văn H, ông Phan Văn H để thu hồi toàn bộ khoản nợ.

5. Trường hợp Công ty TNHH May xuất khẩu H, ông Lê Văn H, ông Phan Văn H trả được toàn bộ khoản nợ trên thì Ngân hàng thương mại cổ phần V có trách nhiệm trả lại Công ty TNHH May xuất khẩu H giấy tờ xe ô tô đã thế chấp và làm thủ tục giải chấp ngay.

6. Đình chỉ việc giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện mà Ngân hàng thương mại cổ phần V đã rút về việc đòi Công ty TNHH May xuất khẩu H trả số tiền phạt chậm trả lãi.

7. Về án phí:

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần V 23,215,000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2010/0005021 ngày 06/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, thành phố Hà Nội.

Bị đơn là Công ty TNHH May xuất khẩu H phải chịu 58,479,000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

8. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng thương mại cổ phần V và ông Phan Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Công ty TNHH May xuất khẩu H và ông Lê Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án sơ thẩm được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

9. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9

Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Như Trọng

Căn cứ vào đăng ký kinh doanh của bị đơn, hồ sơ vay vốn thì xác định bị đơn là doanh nghiệp vừa và nhỏ và khoản vay của bị đơn là khoản vay ngắn hạn. Nguyên đơn tính lãi suất kể từ thời điểm nhận nợ theo 02 Khế ước theo thỏa thuận, tuy nhiên việc nguyên đơn áp dụng mức lãi suất quá hạn lần lượt là 37,35% năm và 39% năm từ ngày khoản nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm

với số tiền 5.569.566.560 đồng là quá cao và không đúng quy định vì: Ngân hàng nhà nước đã có quyết định điều chỉnh lãi suất, quy định về mức lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các khoản cho vay nhằm đáp ứng các nhu cầu vốn: Phục vụ lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn; thực hiện phương án, dự án sản xuất - kinh doanh hàng xuất khẩu; phục vụ sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong khi đó theo lời khai của đại diện ngân hàng và bản kê yêu cầu đòi nợ lãi thì khi khoản nợ chuyển sang quá hạn nguyên đơn không điều chỉnh mức lãi suất theo từng thời kỳ như thỏa thuận trong hợp đồng.

Như vậy, Tòa án sẽ căn cứ vào các quyết định của Ngân hàng nhà nước về việc điều chỉnh lãi suất để xem xét áp dụng mức lãi suất theo quy định. Theo quy định tại Thông tư số 39/2016/TT- NHNN ngày 30/12/2016; Quyết định số 1425/QĐ-NHNN ngày 07/7/2017 có hiệu lực ngày 10/7/2017 thì lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa là 6,5%/năm. Sau đó Ngân hàng Nhà nước đã có nhiều văn bản điều chỉnh lãi suất cho vay theo xu hướng giảm dần: Theo quy định tại Quyết định số 2416/QĐ-NHNN ngày 18/11/2019 có hiệu lực ngày 19/11/2019 thì lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa là 6,0%/năm; theo Quyết định số 420/QĐ-NHNN ngày 16/03/2020 có hiệu lực ngày 17/03/2020 thì lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa là 5,5%/năm; theo Quyết định số 920/QĐ-NHNN ngày 12/05/2020 có hiệu lực ngày 13/05/2020 thì lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa là 5,0%/năm; theo Quyết định số 1730/QĐ-NHNN ngày 30/09/2020 có hiệu lực ngày 01/10/2020 thì lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa là 4,5%/năm. Áp dụng mức lãi suất theo các văn bản này, qua tính toán của Tòa án thì bị đơn phải chịu số tiền lãi quá hạn của 02 Khế ước nhận nợ là 3.124.865.610 đồng.

Từ những phân tích trên, nhận thấy mức lãi suất quá hạn lần lượt là 37,35% năm và 39% năm mà nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán từ khi khoản nợ quá hạn đến ngày xét xử sơ thẩm là quá cao và không điều chỉnh theo thỏa thuận trong hợp đồng cũng như của Ngân hàng Nhà nước. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng các quyết định về điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Nhà nước như đã phân tích ở trên để tính lại lãi suất quá hạn, chấp nhận một phần yêu cầu tiền lãi quá hạn của nguyên đơn, phần không được chấp nhận nguyên đơn sẽ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày kế tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm bên phải thi hành án phải tiếp tục chịu lãi suất quá hạn đối với khoản nợ gốc theo mức lãi suất 6,75%/năm đến khi trả hết nợ gốc, trừ khi Ngân hàng Nhà nước có Quyết định thay đổi với mức lãi suất của Quyết định số 1730/QĐ-NHNN ngày 30/09/2020. Số nợ lãi thì không phải chịu lãi suất cho đến khi thi hành án xong.

không phải là căn cứ đương nhiên để áp dụng quy định pháp luật về sự kiện bất khả kháng nhằm miễn trách nhiệm cho tất cả các trường hợp vi phạm nghĩa vụ

thực hiện hoặc không thực hiện thỏa thuận/cam kết giữa các bên trong hợp đồng thương mại. Việc xem xét căn cứ này phụ thuộc vào từng trường hợp cụ thể, trong từng điều kiện, hoàn cảnh cụ thể; Trên cơ sở thỏa thuận của các bên trong hợp đồng và các quy định pháp luật quốc gia và quốc tế có liên quan